TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày 19/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Gia Ruẫn.
2. Ông Y Nik Ê Ban.

Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2018/HS-ST ngày 15/6/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HS ngày 05/7/2018, đối với các bị cáo:

1. Mai Đăng T, Sinh năm 1991, tại K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Ông Mai Đăng Th và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ là Trần Thị N, chưa có con; tiền án: 02 Tiền án, Bản án số 76/2014/HSPT ngày 19/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản", Bản án số 368/2014/HSPT ngày 22/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội "trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 10/2011 bị Ủy ban nhân dân huyện K đưa đi chữa bệnh tại trung tâm Giáo Dục – Lao động xã hội tỉnh Đắk Lắk về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 19/3/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản" và ngày 22/9/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội "trộm cắp tài sản". Ngày 02/3/2016 chấp hành xong hình phạt trở về sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thành N, Sinh năm 1991, tại huyện T, tỉnh Phú Yên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn 1B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thanh L; bị cáo có vợ Tô Thị Kim P (đã ly hôn), chưa có con; tiền án: 01 tiền án, Bản án số 16/2014/HSST ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/02/2012 bị Ủy ban nhân dân huyện K đưa đi chữa bệnh tại trung tâm Giáo Dục – Lao động xã hội tỉnh Đắk Lắk về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 18/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 10/12/2016 chấp hành xong hình phạt về sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Ông Phạm Văn B, Sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trịnh Công T, Sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn 17, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị B, Sinh năm 1969; Nơi cư trú: 129 Amakhê, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

3. Ông Mai Đăng Th, Sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lê Trọng X, Sinh năm 1964; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H, Sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Mai Đăng T và Lê Thành N là đối tượng nghiện ma túy vào khoảng 09 giờ ngày 13/02/2018, T điều khiển xe mô tô biển số 47 F1 – 157.55 chở N đi huyện K với mục đích mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện H, T và N phát hiện thấy bên phải đường là nhà kho của ông Phạm Văn B không có ai trông coi, nên T và N đã nảy sinh ý định và trộm cắp của ông Bình 01 bức tượng gỗ hình cô gái thỏa thân, kích thước 80 x 70cm, màu nâu.

Sau đó, T và N mang lên thành phố B bán cho bà Nguyễn Thị B chủ tiệm đồ gỗ Nhật T với giá 300.000 đồng, T và N đã tiêu sài hết số tiền trên.

Ngoài ra, vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22/02/2018, T gặp Trịnh Công T cũng là đối tượng nghiện ma túy hỏi xin ma túy của T để sử dụng nhưng không có. Lúc này, T nhớ tại nhà của ông B còn có một đống sắt nên T đã nhờ T điều khiển xe mô tô biển số 47M1 – 096.18 chở T đi đến nhà ông B. Khi đến nhà ông B, T nói dối T đó là đống sắt của mình và bảo T dừng ở lề đường đợi T. Sau đó, T vào nhà ông B lấy trộm 01 giàn cày kim loại kích thước 40 x 70 x 90cm, khi T đang khiêng giàn cày lên xe mô tô thì bị ông B phát hiện và bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 giàn cày kim loại kích thước 40 x 70 x 90cm; 01 tượng gỗ đục hình cô gái khỏa thân, kích thước 80 x 75 cm, màu nâu; 01 xe mô tô biển số 47M1 – 096.18 nhãn hiệu Honda, loại Ware rsx, màu xám.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/2018/KL–HĐ 992 ngày 27/03/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 992 kết luận: 01 giàn cày kim loại kích thước 40 x 70 x 90cm đã qua sử dụng trị giá 250.000 đồng; 01 tượng gỗ đục hình cô gái khỏa thân, kích thước 80 x 75 cm trị giá 3.500.000 đồng. Tổng giá trị 3.750.000 đồng.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, bị cáo Mai Đăng T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy nên vào sáng ngày 13/02/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 47 F1 – 157.55 chở N đi huyện K với mục đích mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, bị cáo và N phát hiện thấy bên phải đường là nhà kho của ông B không có ai trông coi, nên nảy sinh ý định và trộm cắp của ông B 01 bức tượng gỗ hình cô gái khỏa thân. Sau đó, mang lên thành phố B bán cho bà B chủ tiệm đồ gỗ Nhật T với giá 300.000 đồng số tiền này đã tiêu xài hết.

Ngoài ra, sáng ngày 22/02/2018, bị cáo gặp T cũng là đối tượng nghiện ma túy hỏi xin ma túy của T để sử dụng nhưng không có. Lúc này, bị cáo nhớ tại nhà của ông B còn có một đống sắt nên đã nhờ T điều khiển xe mô tô biển số 47M1 – 096.18 chở đến nhà ông B. Khi đến nhà ông B, bị cáo nói dối T đó là đống sắt của mình nên vào lấy, khi đang khiêng giàn cày lên xe mô tô thì bị ông B phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật vụ án. Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội tại Cơ Quan điều tra, những lời khai đó là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình gì.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thành N khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào sáng ngày 13/02/2018, bị cáo đang ở nhà thì bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 47 F1 – 157.55 đến rủ đi huyện K với mục đích mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, T và bị cáo phát hiện thấy bên phải đường là nhà kho của ông Phạm Văn B không có ai trông coi, nên đã nảy sinh ý định và trộm cắp của ông B 01 bức tượng gỗ hình cô gái khỏa thân, kích thước 80 x 70cm, màu nâu. Sau đó, T và bị cáo mang lên thành phố B bán cho bà Nguyễn Thị B chủ tiệm đồ gỗ Nhật T với giá 300.000 đồng và đã tiêu xài hết số tiền trên. Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội

tại Cơ Quan điều tra, những lời khai đó là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình gì.

Quá trình điều tra bị hại ông Phạm Văn B trình bày: Vào sáng ngày 22/02/2018 ông B đang ở nhà tại tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K thì thấy bị cáo T và Trịnh Công T xuống nhà kho bê giàn cày của anh B bỏ lên xe mô tô thì anh B chạy lại bắt giữ và tri hô mọi người. Ngoài ra vào ngày 22/02/2018 anh B còn bị mất trộm 01 tượng gỗ đục hình cô gái, quá trình điều tra xác định bị cáo T, bị cáo N là những người đã lấy trộm những tài sản này, hiện anh B đã nhận lại tài sản mất trộm gồm 01 giàn cày kim loại kích thước 40 x 70 x 90cm đã qua sử dụng; 01 tượng gỗ đục hình cô gái khỏa thân, kích thước 80 x 75cm, nên không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên anh Trịnh Công T khai nhận: Vào sáng ngày 22/02/2018, trên đường đi đám ma khi đến km 52 thì gặp bị cáo T đang đi bộ, bị cáo T gọi anh T lại và nói nhờ anh T chở đi lấy sắt vụn mang đi bán, khi đi tới của hàng mua bán nông sản "B M" bị cáo T nói T dừng xe lại, sau đó đi xuống ngôi nhà bên cạnh đóng cửa và bê giàn cày lên xe mô tô, thấy vậy T có xuống giúp bị cáo T, trong lúc đang bê giàn cày lên xe mô tô thì bị ông B chạy ra bắt quả tang. Việc bị cáo T trộm cắp tài sản của ông B thì T không biết đó là tài sản của ông B, cũng như không có sự bàn bạc với bị cáo T mà bị cáo T nói là tài sản của mình nên tin tưởng mới chở T đi lấy tài sản.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Trần Thị B khai nhận: Vào ngày 22/02/2018 bà B có mua của bị cáo T 01 tượng gỗ đục hình cô gái khỏa thân với số tiền 300.000 đồng, khi mua bà B không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, hiện bị cáo T đã trả lại cho bà B 300.000 đồng nên nay bà không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Mai Đăng Th khai nhận: Ông Th là bố đẻ của bị cáo T là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47F1 -157.55, vào ngày 13/02/2018 bị cáo T sử dụng xe mô trên đi trộm cắp tài sản thì ông Th không biết, nay ông Th đã nhận lại xe nên không có ý kiến yêu cầu gì.

Quá trình điều tra người làm chứng ông Lê Trọng X khai nhận: Vào sáng ngày 22/02/2018 khi nghe hàng xóm là anh B tri hô thì ông X có chạy qua và cùng anh B giữ bị cáo T và Trịnh Công T là người lấy trộm tài sản nhà anh B.

Quá trình điều tra người làm chứng bà Trần Thị H khai nhận: Gia đình bà H có mở tiện cầm đồ tại nhà ở thôn Đ, xã K, huyện K vào sáng ngày 13/02/2018 bà H đang ở nhà thì có hai người thanh niên chở theo một tượng gỗ đục hình cô gái khỏa thân vào cầm nhưng do tiện không cầm đỗ gỗ nên hai thanh niên đã chở tượng gỗ kia đi

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 14/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Mai Đăng T, Lê Thành N về tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Đăng T mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành N mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại 01 giàn cày kim loại kích thước 40 x 70 x 90cm; 01 tượng gỗ đục hình cô gái khỏa thân, kích thước 80 x 75cm; 01 xe mô tô biển số 47M1 – 096.18 nhãn hiệu Honda, loại Ware rsx, màu xám cho ông Phạm Văn B và anh Trịnh Công T là chủ sỡ hữa và người quản lý hợp pháp.

Các bị cáo đồng ý với lời luận tội của kiểm sát viên, không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ tài sản đã lén lút chiếm đoạt 01 tượng gỗ, 01 giàn cày kim loại trị giá 3.750.000 đồng của ông Phạm Văn B là phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên vào sáng ngày 13/02/2018, các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ tài sản đã lén lút chiếm đoạt 01 bức tượng gỗ trị giá 3.500.000 đồng, ngoài ra, vào sáng ngày 22/02/2018, bị cáo T còn chiếm đoạt 01 giàn cày kim loại trị giá 250.000 đồng, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 3.750.000 đồng của ông Phạm Văn B với mục đích tiêu xài cá nhân. Nên đối với các bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi pham tội cánh ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Có như vậy mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Trong vụ án này có hai bị cáo tham gia, tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp, bị cáo T chở bị cáo N chạy xe mô tô qua nhà ông B thì thấy có đống sắt nhô lên nên quay xe lại và bảo bị cáo N vào kiểm tra, khi vào kiểm tra bị cáo N phát hiện 01 tượng gỗ nên kêu bị cáo T vào cùng nhau khiêng lên xe mô tô mang đi tiêu thụ. Bị cáo T ngày 19 tháng 3 năm 2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản", đến ngày 22/9/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội "trộm cắp tài sản", ngày 02 tháng 3 năm 2016 chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích. Ngày 13/02/2018, bị cáo T lén lút chiếm đoạt 01 bức tượng gỗ trị giá 3.500.000 đồng và sáng ngày 22/02/2018 chiếm đoạt 01 giàn cày kim loại trị giá 250.000 đồng, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 3.750.000 đồng nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" và "tái phạm" quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo và cao hơn bị cáo N.

Bị cáo N tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành. Mặt khác, ngày 18/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chấp ma túy", ngày 10/12/2016 chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích. Ngày 13/02/2018 cùng với bị cáo T thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 bức tượng gỗ trị giá 3.500.000 đồng nên bị cáo N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhưng thấp hơn bị cáo T.

[4] Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại thiệt hại không lớn, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, bị cáo T đã khắc phục hậu quả, bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B

300.000 đồng đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại toàn bộ tài sản, tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại 01 giàn cày kim loại kích thước 40 x 70 x 90cm; 01 tượng gỗ đục hình cô gái thỏa thân, kích thước 80 x 75cm cho chủ sở hữa ông Phạm Văn B; trả lại 01 xe mô tô biển số 47M1 – 096.18 nhãn hiệu Honda, loại Ware rsx, màu xám cho anh Trịnh Công T người quản lý hợp pháp nhận sử dụng là phù hợp.

Đối với Trịnh Công T là người chở bị cáo T đi trộm cắp tài sản và giúp bị cáo T chiếm đoạt 01 giàn cày của ông B, nhưng T không biết đó là tài sản của ông B và không cùng ý chí chiếm đoạt tài sản với bị cáo T nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Ea Kar không xử lý đối với Tuân là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị B là người là người mua tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nhưng tại thời điểm đó bà B không biết được đó là các tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47F1-157.55 là xe của ông Mai Đăng TH khi bị cáo T lấy đi thì ông TH không biết là các bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan cảnh Sát điều tra Công an huyện Ea Kar không ra quyết định thu giữ đối với xe mô tô trên là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Mai Đăng T và Lê Thành N phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Mai Thắng T 01(một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại 01 giàn cày kim loại kích thước 40 x 70 x 90cm; 01 tượng gỗ đục hình cô gái khỏa thân, kích thước 80 x 75cm cho chủ sở hữa ông Phạm Văn B; trả lại 01 xe mô tô biển số 47M1 – 096.18 nhãn hiệu Honda, loại Ware rsx, màu xám cho anh Trịnh Công T người quản lý hợp pháp nhận sử dụng là phù hợp.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Mai Đăng T và Lê Thành N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKS huyện EaKar;
- Chi cục THA huyện EaKar;
- Công an huyện EaKar;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh